

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/KDTM-PT
Ngày 08-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;

Ông Phan Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 29/2021/TLPT-KDTM ngày 05/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2021/QĐXXPT-KDTM ngày 11/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 44/2021/QĐ-PT ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ TH; địa chỉ: Số N, ấp X, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công P, chức vụ: Giám đốc (Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302593370, đăng ký lần đầu ngày 02/5/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03/11/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc Q, sinh năm 1977; địa chỉ: Số X, ấp Z, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại Cao su AB; địa chỉ: Thửa đất số B, tờ bản đồ số T, ấp E, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Nguyễn Quang B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc (Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702440695, đăng ký lần đầu ngày 01/3/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1964; địa chỉ: Số Y, tổ U, ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2021); có mặt.

3. Người kháng cáo:

Công ty TNHH Thương mại Cao su AB; địa chỉ: Thửa đất số B, tờ bản đồ số T, ấp E, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2021; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Quốc Q trình bày:* Do có nhu cầu bán cao su nên ngày 07/4/2021, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ TH (gọi tắt là Công ty TH) có ký Hợp đồng mua bán số 01-2021/TH.AB với Công ty TNHH Thương mại Cao su AB (gọi tắt là Công ty AB), theo đó Công ty TH bán cho Công ty AB 100 tấn Cao su Skim Block với giá 29.500.000 đồng/tấn, thuế giá trị gia tăng (GTGT) 5% là 3.097.500.000 đồng. Đến ngày 09/4/2021, Công ty TH ký Hợp đồng mua bán số 02-2021/TH.AB với Công ty AB, theo đó Công ty TH bán cho Công ty AB 100 tấn Cao su Skim Block với giá 29.700.000 đồng/tấn, thuế GTGT 5% là 3.118.500.000 đồng. Tổng giá trị của 02 hợp đồng là 6.216.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận hàng thì Công ty AB phải thanh toán tiền cho Công ty TH. Ngày 08/4/2021 và 13/4/2021, Công ty TH đã giao đủ số lượng hàng cho Công ty AB, nhưng Công ty AB vẫn không thanh toán tiền cho Công ty TH. Do đó, Công ty TH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty AB phải thanh toán cho Công ty TH số tiền 6.216.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định: Ngày 22/9/2021, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 5.816.000.000 đồng.

** Tại Thông báo về việc thỏa thuận trả nợ ngày 01/7/2021 (bút lục 42); Văn bản ngày 31/5/2021 về việc gia hạn thêm thời gian thanh toán (bút lục 08); biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Văn Ng trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc mua bán Cao su theo Hợp đồng mua bán số 01-2021/TH.AB ngày 07/4/2021 và Hợp đồng mua bán số 02-2021/TH.AB ngày 09/4/2021 với tổng giá trị 6.216.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 10 ngày, kể từ ngày nhận hàng; sau đó, bị đơn có văn bản xin gia hạn thời gian thanh toán đến hết ngày 31/5/2021. Đến ngày 31/5/2021, bị đơn tiếp tục có văn bản xin gia hạn thời hạn thanh toán chậm nhất ngày 30/6/2021. Ngày 22/9/2021, Công ty AB đã thanh toán cho Công ty TH số tiền 400.000.000 đồng, hiện Công ty AB còn nợ số tiền 5.816.000.000 đồng. Lí do Công ty AB vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty TH là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Nay, Công ty AB đồng ý thanh toán số tiền trên cho Công ty TH, nhưng xin được thanh toán dần.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 50, 55 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ TH đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại Cao su AB về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại Cao su AB phải trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ TH số tiền 5.816.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Cao su AB phải chịu 113.816.000 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ TH số tiền 57.108.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044166 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 08/10/2021, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Thương mại Cao su AB là ông Đoàn Nguyễn Quang B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án số 01/2021/KDTM-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương với lý do: Trước đây, bị đơn với nguyên đơn đã có thỏa thuận với nhau về số nợ và nguyên đơn đã đồng ý cho bị đơn trả dần số nợ trên đến năm 2022; về tiền án phí: Do tình hình kinh tế của bị đơn rất khó khăn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, phải thực hiện giãn cách xã hội nên chỉ hoạt động cầm chừng khoảng 30%. Do đó, bị đơn không có khả năng nộp số tiền án phí trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền 5.816.000.000 đồng, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thể tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Bị đơn thừa nhận có ký Hợp đồng mua bán số 01-2021/TH.AB ngày 07/4/2021 và Hợp đồng mua bán số 02-2021/TH.AB ngày 09/4/2021 với nguyên đơn; thừa nhận bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 5.816.000.000 đồng nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bị đơn xin được thanh toán dần số tiền trên, nhưng nguyên đơn không chấp nhận nên Tòa án cấp

sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.816.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày tranh tụng của hai bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án kinh doanh, thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Công ty TH yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty AB phải trả số tiền 6.216.000.000 đồng là giá trị hàng hóa của 02 hợp đồng mua bán Cao su Skim Block gồm: Hợp đồng mua bán số 01-2021/TH.AB ngày 07/4/2021 và Hợp đồng mua bán số 02-2021/TH.AB ngày 09/4/2021. Đến ngày 22/9/2021, bị đơn trả cho nguyên đơn được số tiền 400.000.000 đồng (bút lục 51) nên tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 5.816.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty AB thừa nhận: Bị đơn có ký kết 02 hợp đồng mua bán nêu trên với nguyên đơn; tổng giá trị của 02 hợp đồng là 6.216.000.000 đồng (đã bao gồm 5% thuế GTGT); ngày 22/9/2021, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 400.000.000 đồng, hiện bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 5.816.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là “*những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*”.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty AB, nhận thấy: Theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán số 01-2021/TH.AB ngày 07/4/2021 và Hợp đồng mua bán số 02-2021/TH.AB ngày 09/4/2021 thì nguyên đơn với bị đơn đã thỏa thuận “*Hình thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hàng*”. Tại Điều 4 của 02 hợp đồng trên, hai bên cũng đã thỏa thuận: “*Thời gian giao hàng: Giao ngay, nhận hàng theo thứ tự hợp đồng...*”. Sau khi ký kết hợp đồng, bên B - bị đơn (bên mua) đã nhận đủ hàng tại kho của bên A - nguyên đơn (bên bán) và không có thắc mắc hay khiếu nại gì về chất lượng hàng hóa, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng. Phía nguyên đơn đã có các Văn bản số 0505/TH ngày 05/5/2021, số 0605/TH ngày 06/5/2021 và số 2905/TH ngày 29/5/2021 để yêu cầu bị đơn thanh toán nợ (bút lục 05-07), nhưng bị đơn đề nghị gia hạn thanh toán đến hết ngày 31/5/2021; tuy nhiên, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nên nguyên đơn khởi kiện vào ngày 21/6/2021 để yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 6.216.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày hết thời hạn gia hạn (ngày 31/5/2021) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là đã có lợi cho phía bị đơn. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bị đơn lập “*Giấy thỏa thuận ngày 12/7/2021*” để đưa ra phương án trả nợ cho nguyên đơn thành 06 lần (bút lục 46-47), nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Đến ngày 22/9/2021, bị đơn trả cho nguyên đơn được số

tiền 400.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn phải trả số tiền còn lại 5.816.000.000 đồng cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Việc bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề yêu cầu được trả dân số nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về việc xin được miễn nộp tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, nhận thấy: Ngày 17/9/2021, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đoàn Nguyễn Quang B làm đơn xin được miễn tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, đơn được chính quyền địa phương xác nhận với nội dung: “*Ông Đoàn Nguyễn Quang B, SN 1984 có HKTT tại ấp Y, xã A là đúng*”, không có nội dung nào xác nhận Công ty AB đang gặp khó khăn; mặt khác, Công ty AB là một pháp nhân, việc Công ty AB xin được miễn tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là không thuộc một trong các trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty AB phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại Cao su AB. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 50, 55 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*”.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ TH đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại Cao su AB về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại Cao su AB phải trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất TM DV TH số tiền 5.816.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại Cao su AB phải chịu 113.816.000 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ TH số tiền 57.108.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044166 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Thương mại Cao su AB phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007792 ngày 28/10/2021 và số AA/2021/0007796 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Tòa KT, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐãP ký)

Nguyễn Đắc Cường